

-기로 들면

nếu thật sự bắt tay vào

Giả định có người nghiêm túc theo đuổi một việc — và cảnh báo rằng việc đó sẽ không có hồi kết. 들다 ở đây có nghĩa là bắt tay vào làm gì đó.

■ Cách kết hợp

Tình huống	Dạng	Ví dụ
Mọi động từ	-기로 들면	따지다 → 따지기로 들면
Biến thể	-기로 들자면	따지기로 들자면
Gốc có ㄹ giữ nguyên ㄹ	-기로 들면	만들기로 들면
Mệnh đề sau	vô tận, không kiểm soát được	끝이 없다, 한이 없다
Động từ	việc không có điểm kết thúc tự nhiên	따지다, 찾다, 세다
Không bao giờ mang thì	chỉ gốc từ nguyên dạng	따졌기로 들면 là sai

■ Khi nào dùng

Gắn -기로 들면 vào gốc động từ — không có quy tắc nguyên âm, ㄹ giữ nguyên, không có thì đứng trước. Biến thể -기로 들자면 cũng xuất hiện.

Mệnh đề sau cho biết việc đó sẽ không có hồi kết hoặc không thể kiểm soát: 따지기로 들면 끝이 없다.

Một số ít động từ chiếm phần lớn cách dùng — 따지다, 찾다, 세다, 말하다, 파고들다. Tất cả đều là những hoạt động về nguyên tắc có thể kéo dài mãi mãi.

Giọng điệu là lời cảnh báo nhẹ nhàng: bạn có thể theo đuổi việc này, nhưng có lẽ không nên. 끝이 없다 và 한이 없다 là những kết luận thường gặp.

■ Ví dụ trong câu

- 1** 하나하나 따지기로 들면 끝이 없습니다.
Nếu cứ bắt bẻ từng điểm một thì không bao giờ hết.
- 2** 흠을 찾기로 들면 못 찾을 것이 없다.
Cứ muốn bới lỗi thì chẳng có gì là không tìm ra.
- 3** 이유를 대기로 들면 백 가지도 넘을 것이다.
Nếu bắt đầu kể lý do thì phải đến hơn trăm cái.
- 4** 파고들기로 들자면 며칠이 걸릴 문제다.
Nếu thật sự đi sâu vào thì việc này sẽ mất nhiều ngày.
- 5** 직접 만들기로 들면 못 만들 것도 없지요.
Nếu thật sự bắt tay vào tự làm thì chẳng có gì là không làm được.
- 6** 잘잘못을 가리기로 들면 서로 상처만 남는다.
Cứ muốn phân định lỗi thì chỉ còn lại tổn thương cho cả hai bên.

■ So sánh với

- (으)려면**
-(으)려면 giả định một ý định một cách trung tính; -기로 들면 giả định việc theo đuổi nó một cách nghiêm túc, và cảnh báo điều đó sẽ dẫn đến đâu.

따지려면 근거를 대세요. (nếu muốn tranh luận) / 따지기로 들면 끝이 없다. (nếu thật sự bắt đầu)
- 다 보면**
-다 보면 dự đoán nỗ lực liên tục sẽ dẫn đến đâu, thường là điều tốt; -기로 들면 cảnh báo rằng nó sẽ không bao giờ kết thúc.

하다 보면 늘 거예요. (bạn sẽ tiến bộ) / 따지기로 들면 끝이 없다. (sẽ không bao giờ hết)
- (으)ㄹ 양이면**
양이면 đặt một ý định làm tiền đề và nêu yêu cầu của nó; -기로 들면 đặt nó như một giả thuyết và nêu sự vô ích của nó.

기왕 할 양이면 제대로 해라. (hãy làm cho đàng hoàng) / 따지기로 들면 끝이 없다. (đừng bắt đầu)

■ Lưu ý

- ✗ 하나하나 따지기로 들면 금방 끝납니다.**
○ 하나하나 따지기로 들면 끝이 없습니다.
Mệnh đề sau cho biết việc đó sẽ không có hồi kết. Kết thúc nhanh chóng là mâu thuẫn với cấu trúc.
- ✗ 어제 따졌기로 들면 끝이 없었다.**
○ 따지기로 들면 끝이 없다.
-기 không bao giờ mang thì, và cấu trúc này giả định chứ không kể lại.
- ✗ 잠깐 쉬기로 들면 끝이 없다.**
○ 하나하나 따지기로 들면 끝이 없다.
Động từ phải chỉ việc có thể kéo dài vô hạn. Nghỉ ngơi một chút thì có điểm kết thúc tự nhiên.